

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2025

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG BA VÀ QUÝ I NĂM 2025

Giá xăng dầu, giá gạo giảm theo giá thế giới là các nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2025 giảm 0,03% so với tháng trước. So với tháng 12/2024, CPI tháng Ba tăng 1,3%; tăng 3,13% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung quý I năm 2025, CPI tăng 3,22% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,01%.

I. TỔNG QUAN

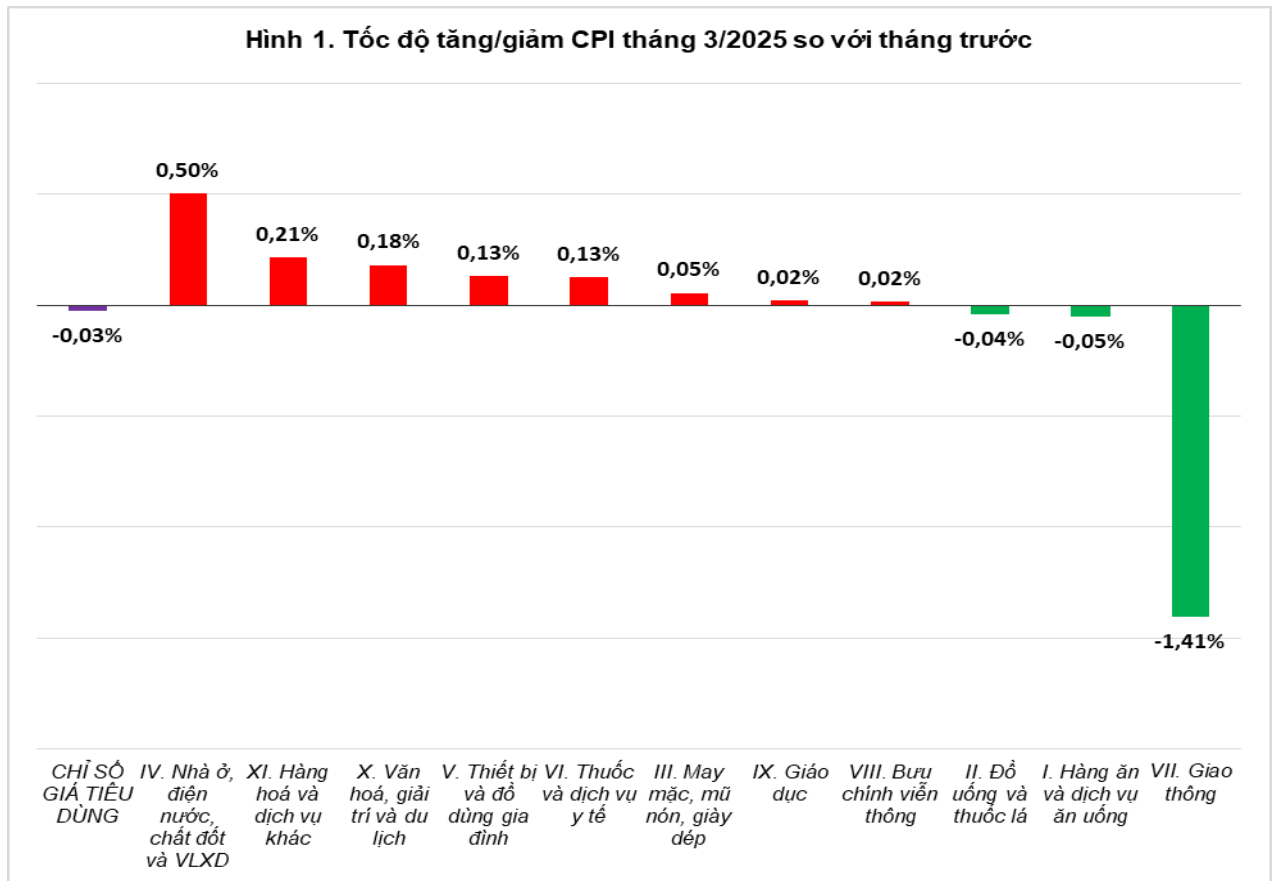
Trong quý I/2025, thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng bởi các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tiếp tục gay gắt, đặc biệt chính sách thuế quan mới của Hoa Kỳ gây căng thẳng thương mại và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh đó, xung đột quân sự Nga - Ukraine tiếp tục leo thang ảnh hưởng tiêu cực đến ổn định khu vực và kinh tế thế giới. Những bất ổn chính trị tại Trung Đông, Biển Đỏ và dải Gaza kéo dài. Nhiều quốc gia tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, tổng cầu yếu khiến kinh tế thế giới tăng trưởng chậm. Lạm phát có xu hướng hạ nhiệt nhưng vẫn chưa trở về mức mục tiêu của một số quốc gia. Các ngân hàng Trung ương tiếp tục theo dõi và điều chỉnh chính sách tiền tệ để đối phó với áp lực lạm phát. Lạm phát của Mỹ tháng 02/2025 tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước. Tại cuộc họp ngày 19/3/2025, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức 4,25%-4,5%. Trong tháng 02/2025, lạm phát của khu vực đồng Euro và Đức cùng tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước; I-ta-li-a tăng 1,6%; Pháp tăng 0,8%. Tại châu Á, lạm phát tháng 02/2025 của Phi-lip-pin tăng 2,1%; Hàn Quốc tăng 2%; Thái Lan tăng 1,1%. Lạm phát của Việt Nam được kiểm soát ở mức phù hợp để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế, CPI tháng 3/2025 tăng 3,13% so với cùng kỳ năm trước.

Trong nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chủ động, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát như: Đảm bảo thông suốt hoạt động cung ứng, lưu thông, phân phối hàng hóa, dịch vụ; giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy

giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế giá trị gia tăng đối với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ; giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân; tổ chức, theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả thị trường các mặt hàng thiết yếu để có biện pháp điều hành phù hợp. Theo đó, giá hàng hóa và dịch vụ trên thị trường nhìn chung không có biến động bất thường, lạm phát trong tầm kiểm soát. Bình quân quý I/2025, CPI tăng 3,22% so với năm 2024.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 3/2025

So với tháng trước, CPI tháng 3/2025 giảm 0,03% (khu vực thành thị tăng 0,02%; khu vực nông thôn giảm 0,07%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 03 nhóm hàng giảm giá và 08 nhóm hàng tăng giá.



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 3/2025 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,05%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 3/2025 giảm 0,05% so với tháng trước, góp phần làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm, trong đó lương thực giảm 0,83%, góp phần giảm 0,03 điểm phần trăm; nhóm thực phẩm tăng 0,08%, tác động tăng 0,02 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình giảm 0,03%, góp phần giảm 0,01 điểm phần trăm.

1.1. Lương thực (-0,83%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 3/2025 giảm 0,83% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo giảm 1,13% (Gạo tẻ thường giảm 1,23%; gạo tẻ ngon giảm 0,76% và gạo nếp giảm 0,89%). Giá gạo trong nước giảm do sản lượng dồi dào khi đang vào chính vụ thu hoạch lúa đông xuân, đồng thời Ấn Độ nới lỏng các hạn chế xuất khẩu gạo đã khiến nguồn cung gạo trên thị trường quốc tế tăng lên trong khi nhu cầu nhập khẩu gạo của các nước đang giảm.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 15.100-18.700 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 20.900-23.600 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 22.300-24.500 đồng/kg; giá gạo nếp từ 26.900-41.000 đồng/kg.

Theo đó, giá các mặt hàng lương thực khác giảm theo như: Giá khoai giảm 1,97% so với tháng trước; ngô giảm 1,07%; miến giảm 0,14%; ngũ cốc khác và bánh mì cùng giảm 0,01%.

1.2. Thực phẩm (+0,08%)

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 3/2025 tăng 0,08% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở một số mặt hàng sau:

- Chỉ số giá thịt lợn tăng 3,58% so với tháng trước, tác động làm CPI tăng 0,12 điểm phần trăm do ảnh hưởng của dịch bệnh, hậu quả của cơn bão số 3 năm 2024, nhiều trang trại chăn nuôi chưa kịp tái đàn. Bên cạnh đó, người chăn nuôi đã tập trung xuất chuồng vào dịp Tết Nguyên đán dẫn đến nguồn cung thịt lợn thiếu hụt. Trong tháng Ba, các hoạt động lễ hội lớn ở miền Bắc và miền Trung khiến nhu cầu thịt lợn tăng cao. Tính đến ngày 30/3/2025, giá thịt lợn hơi cả nước dao động trong khoảng 66.000-77.000 đồng/kg. Theo đó, mỡ động vật tăng 2,95% so với tháng trước; nội tạng động vật tăng 1,55%; thịt quay, giò chả tăng 0,99%; thịt chế biến khác tăng 0,22%; thịt hộp tăng 0,14%.

- Chỉ số giá chè, cà phê, ca cao tăng 0,19%; sữa, bơ, phô mai tăng 0,18%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,12%.

Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng có chỉ số giá giảm như sau:

- Chỉ số giá trứng các loại giảm 2,24% chủ yếu do sau Tết Nguyên đán, nhu cầu tiêu thụ giảm trong khi sản lượng trứng tồn đọng từ kỳ nghỉ lễ cao khiến người chăn nuôi và tiểu thương hạ giá bán.

- Chỉ số giá thủy sản tươi sống giảm 1,06% so với tháng trước, thủy sản chế biến giảm 0,3%.

- Thời tiết thuận lợi nguồn cung trái cây trong nước dồi dào cùng với sự cạnh tranh của các sản phẩm nhập khẩu gây áp lực giảm giá trong nước làm cho chỉ số giá quả tươi, chế biến giảm 1,75%, trong đó xoài giảm 3,11%; chuối giảm 1,86%; quả có múi giảm 2,19%; táo giảm 1,22%; quả tươi khác giảm 1,3%.

- Chỉ số giá rau tươi, khô và chế biến giảm 1,69% so với tháng trước. Sau Tết Nguyên đán, nhu cầu tiêu thụ rau giảm trong khi nguồn cung từ các vùng trồng rau như Đà Lạt và miền Bắc tăng lên do điều kiện thời tiết thuận lợi, trong đó giá cà chua giảm 8,38%; bắp cải giảm 4,66%; khoai tây giảm 2,6%; đỗ quả tươi giảm 2,78%; rau gia vị tươi khô các loại giảm 1,72%.

- Chỉ số giá đường mật giảm 0,31%; các loại đậu và hạt giảm 0,28%; nước mắm, nước chấm giảm 0,02%.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (-0,03%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 3/2025 giảm nhẹ 0,03% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá ăn ngoài gia đình và uống ngoài gia đình cùng giảm 0,04%, trong khi chỉ số giá đồ ăn nhanh mang đi không đổi.

2. Đồ uống và thuốc lá (-0,04%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 3/2025 giảm 0,04% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng giảm, trong đó giá rượu bia giảm 0,02%; đồ uống không cồn giảm 0,22%; riêng nhóm thuốc hút tăng 0,04% do giá đô la Mỹ tăng.

3. May mặc, mũ nón, giày dép (+0,05%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 3/2025 tăng 0,05% so với tháng trước. Trong đó, chỉ số giá vải các loại tăng 0,31% so với tháng trước; quần áo may sẵn tăng 0,08%; may mặc khác tăng 0,06%; dịch vụ giày dép tăng 0,28%; dịch vụ may mặc tăng 0,17% do chi phí nhân công tăng. Ở chiều ngược lại, chỉ số giá giày dép giảm 0,09%; bút tất các loại giảm 0,12% do nhu cầu giảm.

4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,5%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tháng 3/2025 tăng 0,5% so với tháng trước, tác động làm tăng CPI chung 0,09 điểm phần trăm, chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng sau:

- Giá thuê nhà tăng 1,09% do nhu cầu thuê nhà tăng cao. Bên cạnh đó, giá bất động sản ở mức cao khiến nhiều chủ hộ tăng giá thuê để phù hợp với giá trị tài sản. Theo đó, giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,25%.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,26% do giá xi măng, giá thép tăng theo chi phí nguyên vật liệu đầu vào như than, giá phôi thép, điện, chi phí nhân công tăng.

Ngược lại, một số nhóm có chỉ số giá tháng Ba giảm so với tháng trước:

- Giá dầu hỏa giảm 4,99% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.

- Giá điện sinh hoạt giảm 0,14%, nước sinh hoạt giảm 1,63%¹ do nhu cầu tiêu dùng giảm sau Tết.

- Giá gas giảm 0,46% do từ ngày 01/3/2025 giá gas trong nước điều chỉnh giảm 2.000 đồng/bình 12 kg theo xu hướng giảm của giá thế giới.

¹ Chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tháng 3/2025 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 02/2025.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,13%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 3/2025 tăng 0,13% so với tháng trước. Trong đó, một số mặt hàng tăng: Giá máy giặt tăng 0,87%; máy điều hòa nhiệt độ tăng 0,48%; ổn áp điện tăng 0,38%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,15%; đèn điện thấp sáng tăng 0,14%; giường, tủ, bàn ghế tăng 0,12%; hàng dệt trong nhà tăng 0,11%; dịch vụ sửa chữa thiết bị trong gia đình tăng 0,23%; dịch vụ trong gia đình tăng 0,08%.

6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,13%)

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng 3/2025 tăng 0,13% so với tháng trước làm CPI chung tăng 0,01 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm dịch vụ y tế tăng 0,14% do có địa phương triển khai áp dụng giá dịch vụ y tế mới theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Bên cạnh đó, thời tiết miền Bắc chuyển sang nồm ẩm nên bệnh cảm cúm, đường hô hấp gia tăng, nhu cầu tiêu dùng các loại thuốc về giảm đau, hạ sốt, đường hô hấp, vitamin và khoáng chất của người dân tăng. Cụ thể, giá nhóm thuốc chống dị ứng tăng 0,32%; vitamin và khoáng chất tăng 0,12%; thuốc giảm đau, hạ sốt tăng 0,11%; thuốc tác dụng trên đường hô hấp tăng 0,1%; thuốc đường tiêu hóa tăng 0,08%.

7. Giao thông (-1,41%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 3/2025 giảm 1,41% so với tháng trước, trong đó:

- Chỉ số giá xăng giảm 3,61%; chỉ số giá dầu diezen giảm 4,67% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước.
- Chỉ số giá dịch vụ giao thông công cộng giảm 1,75%, chủ yếu do nhu cầu đi lại của người dân giảm sau dịp Tết Nguyên đán, trong đó giá vận tải hành khách bằng đường sắt giảm 41,91%; vận tải hành khách bằng đường bộ giảm 0,33%.
- Dịch vụ trông giữ xe giảm 0,11% so với tháng trước do nhu cầu giảm.
- Ở chiều ngược lại, giá dịch vụ sửa chữa xe đạp tăng 0,51%; dịch vụ sửa chữa xe máy tăng 0,49% do chi phí nhân công tăng; phụ tùng ô tô tăng 0,39%; lốp, săm xe đạp tăng 0,12%; xe ô tô mới tăng 0,1%.

8. Bưu chính, viễn thông (+0,02%)

Nhóm bưu chính, viễn thông tháng 3/2025 tăng 0,02% so với tháng trước. Trong đó, thiết bị điện thoại tăng 0,05% do nhóm máy điện thoại di động thông thường và dịch vụ sửa chữa điện thoại tăng. Ở chiều ngược lại, giá phụ kiện điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 1,11%; máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 0,57%; máy điện thoại cố định giảm 0,06%.

9. Giáo dục (+0,02%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng 3/2025 tăng nhẹ 0,02% so với tháng Hai do giá văn phòng phẩm tăng 0,14%, trong đó bút viết các loại tăng 0,32%; sản phẩm từ giấy tăng 0,19%; văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng 0,18%.

10. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,18%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 3/2025 tăng 0,18% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở những mặt hàng sau: Du lịch trọn gói tăng 0,57% (du lịch ngoài nước tăng 0,77%; du lịch trong nước tăng 0,49%) do nhu cầu du lịch của người dân và chi phí dịch vụ tăng; nhóm hoa, cây cảnh, vật cảnh tăng 0,29%; khách sạn, nhà khách và thiết bị, dụng cụ thể thao cùng tăng 0,2%; tạp chí tăng 0,19%; ti vi màu tăng 0,11%.

11. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,21%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 3/2025 tăng 0,21%, chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng: Nhóm đồ trang sức tăng 3,73% theo giá vàng thế giới; dịch vụ về cưới hỏi tăng 0,17%; máy dùng điện cho chăm sóc cá nhân tăng 0,2%; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng 0,31%; Ở chiều ngược lại, dịch vụ vệ sinh môi trường giảm 0,02%; đồng hồ đeo tay giảm 0,01%.

12. Chỉ số giá vàng (+4,68%)

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 28/3/2025, bình quân giá vàng thế giới ở mức 3.000,08 USD/ounce, tăng 10,31% so với tháng 02/2025. Trong tháng 3/2025, giá vàng thế giới tăng mạnh và liên tục lập đỉnh mới do tác động kết hợp của nhiều yếu tố kinh tế và địa chính trị. Căng thẳng toàn cầu gia tăng, đặc biệt là kế hoạch áp thuế mới của Mỹ, đã làm gia tăng sự bất ổn trên thị trường. Chính sách tiền tệ nới lỏng của FED với việc giữ nguyên lãi suất và tín hiệu có thể cắt giảm trong tương lai, làm tăng sức hấp dẫn của vàng do giảm chi phí cơ hội nắm giữ. Bên cạnh đó, các ngân hàng trung ương, đặc biệt ở châu Á, đã đẩy mạnh mua vàng để đa dạng hóa dự trữ, góp phần làm tăng nhu cầu toàn cầu. Biến động trên thị trường chứng khoán quốc tế và bất ổn địa chính trị như chiến sự tại Ukraine và căng thẳng ở Trung Đông càng củng cố vai trò của vàng như nơi trú ẩn an toàn, góp phần vào đà tăng mạnh của giá vàng.

Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 3/2025 tăng 4,68% so với tháng trước; tăng 32,68% so với cùng kỳ năm trước; tăng 10,75% so với tháng 12/2024; bình quân quý I/2025, chỉ số giá vàng tăng 31,45%.

13. Chỉ số giá đô la Mỹ (+0,77%)

Giá đô la Mỹ trong nước biến động ngược chiều với giá thế giới. Tính đến ngày 28/3/2025, chỉ số giá đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 103,94 điểm, giảm 3,15% so với tháng trước do nhiều nhà đầu tư kỳ vọng FED sẽ sớm cắt giảm lãi suất cùng với những lo ngại về các chính sách thuế quan mới của Mỹ, sự suy

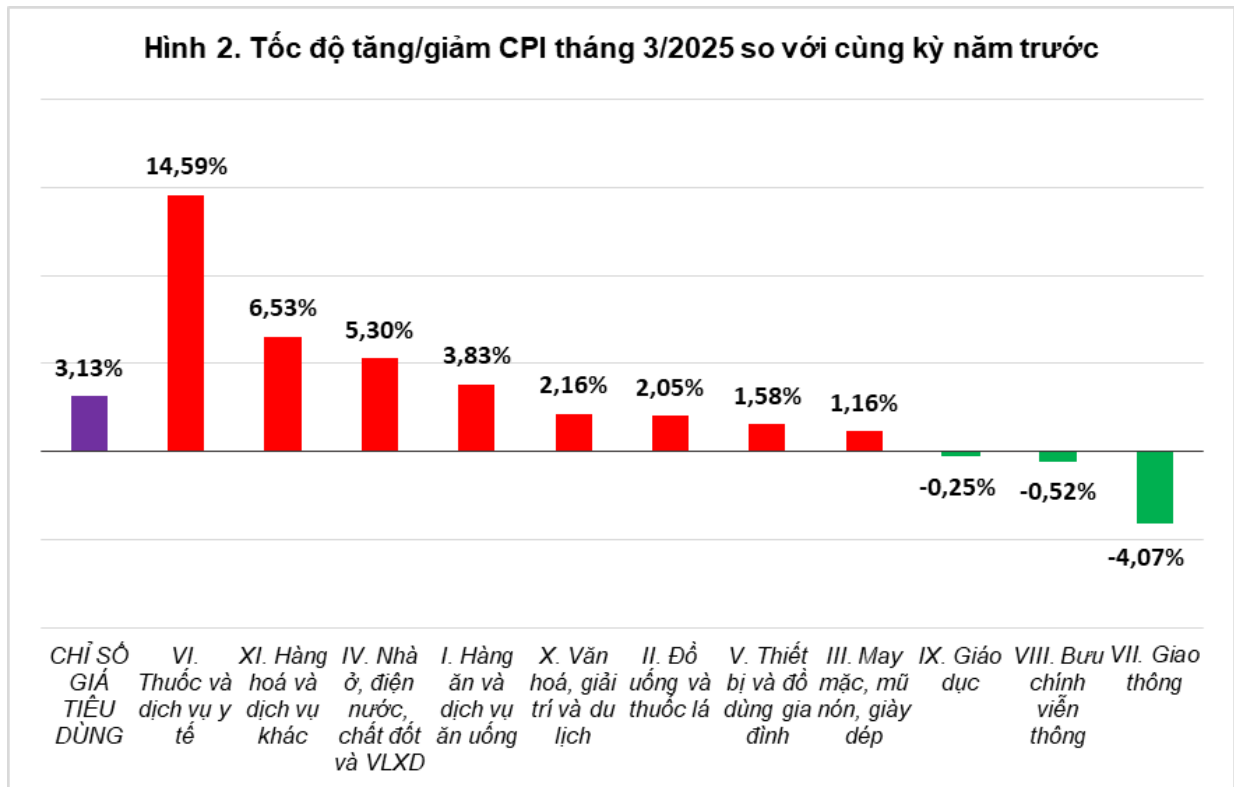
giảm niềm tin tiêu dùng và biến động trên thị trường tài chính đã khiến nhu cầu nắm giữ đồng USD giảm. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.685 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 3/2025 tăng 0,77% so với tháng trước; tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước; tăng 0,92% so với tháng 12/2024; bình quân quý I/2025, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 3,63%.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng Ba từ năm 2021 đến năm 2025

Đơn vị tính: %

	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
CPI tháng 3 so với tháng trước	-0,27	0,70	-0,23	-0,23	-0,03
CPI tháng 3 so với cùng kỳ năm trước	1,16	2,41	3,35	3,97	3,13
CPI tháng 3 so với tháng 12 năm trước	1,31	1,91	0,74	1,12	1,30
CPI bình quân quý I so với cùng kỳ năm trước	0,29	1,92	4,18	3,77	3,22

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 3/2025 tăng 3,13%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 08 nhóm tăng giá và 03 nhóm giảm giá.



Các nhóm hàng có chỉ số giá tháng 3/2025 tăng so với cùng kỳ năm trước:

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 14,59%, làm CPI chung tăng 0,79 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,3%, tác động làm CPI chung tăng 01 điểm phần trăm. Trong đó, nhà ở thuê tăng 7,33% do nhu cầu thuê chung cư, nhà trọ tăng, ngoài ra giá bất động sản tăng cao thời gian qua đã khiến các hộ kinh doanh cho thuê nhà tăng giá để phù hợp với chi phí đầu tư; điện sinh hoạt tăng 4,55%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 2,36%; giá gas và các loại chất đốt khác tăng 1,05%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,83% tác động làm CPI chung tăng 1,29 điểm phần trăm, trong đó giá nhóm lương thực tăng 0,68%; thực phẩm tăng 4,54%; ăn uống ngoài gia đình tăng 3,45%.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,16% làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,05%, tác động làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,58%, tác động làm CPI chung tăng 0,11 điểm phần trăm. Trong đó, giá dịch vụ trong gia đình tăng 4,09%; giường, tủ, bàn ghế tăng 2,36%; đồ nhựa và cao su tăng 2,29%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 1,76%.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,16%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm. Trong đó, giá dịch vụ giày dép tăng 4,43%; dịch vụ may mặc tăng 2,86%; vải các loại tăng 2,11%; mũ nón tăng 2,05%; giày dép tăng 0,46%.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,53%, tác động làm CPI chung tăng 0,23 điểm phần trăm. Trong đó, lệ phí công chứng, bảo hiểm và dịch vụ khác tăng 17,26%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 4,31%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 2,34%; dịch vụ về hiếu hỉ tăng 2,72%.

Ở chiều ngược lại, có 03 nhóm hàng có chỉ số giá tháng 3/2025 giảm so với cùng kỳ năm trước:

- Nhóm giao thông giảm 4,07%, góp phần làm CPI chung giảm 0,39 điểm phần trăm, trong đó giá xăng, dầu giảm 13,8%; ô tô giảm 1,08%; vận tải hành khách bằng đường sắt giảm 0,25%.

- Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,52%, góp phần làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm do giá điện thoại thể hệ cũ giảm.

- Nhóm giáo dục giảm 0,25%, góp phần làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm do trong năm học 2024-2025 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã miễn, giảm mức học phí.

So với tháng 12/2024, CPI tháng Ba tăng 1,3%, trong đó có 09 nhóm hàng tăng giá; 01 nhóm giữ nguyên mức giá và 01 nhóm giảm giá.

Các nhóm hàng tăng giá:

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 9,95% do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y

tế và một số mặt hàng thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, thuốc dùng cho đường hô hấp tăng giá khi thời tiết chuyển mùa nồm ẩm tại một số địa phương miền Bắc.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,42% chủ yếu do giá thép tăng khi giá phôi thép, thép thành phẩm tăng, chỉ số giá nhà ở thuê tăng 2,75% và vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,52%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,11% do giá thực phẩm và ăn uống ngoài gia đình tăng.

- Nhóm đồ uống, thuốc lá tăng 0,77% do nhu cầu tiêu dùng tăng cao.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,5% do giá một số mặt hàng tăng do nhu cầu sử dụng tăng cao.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,63% do nhu cầu mua sắm và du xuân đầu năm tăng.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,32%, trong đó dịch vụ may mặc tăng 0,93%; dịch vụ giày dép tăng 0,9%; may mặc khác tăng 0,77%.

- Nhóm giao thông tháng 3/2025 tăng 0,15% so với tháng 12/2024, trong đó chỉ số giá vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng 40%; vận tải hành khách bằng đường thủy tăng 1,92%.

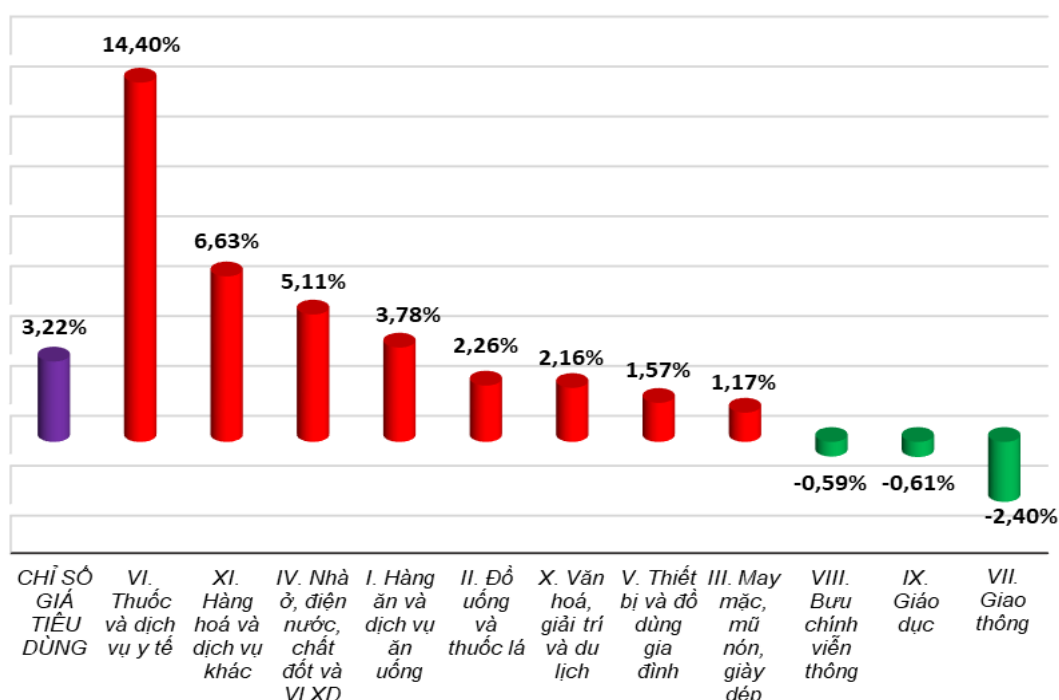
- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,9% do giá nhóm đồ trang sức tăng theo giá vàng thế giới; các dịch vụ về cưới hỏi; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng.

Riêng chỉ số giá nhóm giáo dục tháng 3/2025 không đổi so với tháng 12/2024 và chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,14% do một số mặt hàng điện thoại thông minh mẫu cũ giảm giá.

III. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG QUÝ I NĂM 2025

Chỉ số giá tiêu dùng quý I/2025 tăng 3,22% so với cùng kỳ năm 2024.

Hình 3. Tốc độ tăng/giảm CPI quý I năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



1. Yếu tố làm tăng CPI quý I năm 2025 so với cùng kỳ năm trước

- Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,78%, góp phần làm CPI chung tăng 1,27 điểm phần trăm, trong đó chỉ số giá nhóm thịt lợn tăng 12,49% do thiếu hụt nguồn cung trong khi nhu cầu tiêu dùng tăng cao trong các dịp Lễ, Tết, tác động làm CPI chung tăng 0,42 điểm phần trăm; chỉ số giá gạo tăng 0,97%, tác động làm CPI chung tăng 0,02 điểm phần trăm; chỉ số giá thịt gia cầm tươi sống tăng 1,06%.

- Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,11% do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào và giá nhà thuê tăng, làm CPI chung tăng 0,96 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm điện sinh hoạt tăng 5,11% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với từ ngày 11/10/2024, EVN điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân, góp phần làm CPI chung tăng 0,17 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 14,4%, làm CPI chung tăng 0,78 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế.

- Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,16%, góp phần làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm.

2. Yếu tố làm giảm CPI trong quý I năm 2025 so với cùng kỳ năm trước

- Chỉ số nhóm giao thông giảm 2,4%, góp phần làm CPI chung giảm 0,23 điểm phần trăm, trong đó giá xăng dầu giảm 9,73%; dịch vụ vận tải hành khách bằng đường sắt giảm 6,06%.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục giảm 0,61%, góp phần làm CPI chung giảm 0,04 điểm phần trăm, do trong năm học 2024-2025 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã miễn, giảm mức học phí.

- Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,59%, góp phần làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm, do giá điện thoại thể hệ cũ giảm khi các doanh nghiệp áp dụng chương trình giảm giá, kích cầu đối với các dòng điện thoại thông minh đã được tung ra thị trường một thời gian.

IV. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản² tháng 3/2025 tăng 0,25% so với tháng trước và tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân quý I/2025, lạm phát cơ bản tăng 3,01% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,22%) chủ yếu

² CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.

do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế là yếu tố tác động tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Ba và quý I từ năm 2021 đến năm 2025

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Lạm phát cơ bản tháng 3 so với tháng trước	-0,12	0,29	0,22	0,03	0,25
Lạm phát cơ bản tháng 3 so với cùng kỳ năm trước	0,73	1,09	4,88	2,76	3,10
Lạm phát cơ bản quý I so với cùng kỳ năm trước	0,67	0,81	5,01	2,81	3,01

CỤC THỐNG KÊ